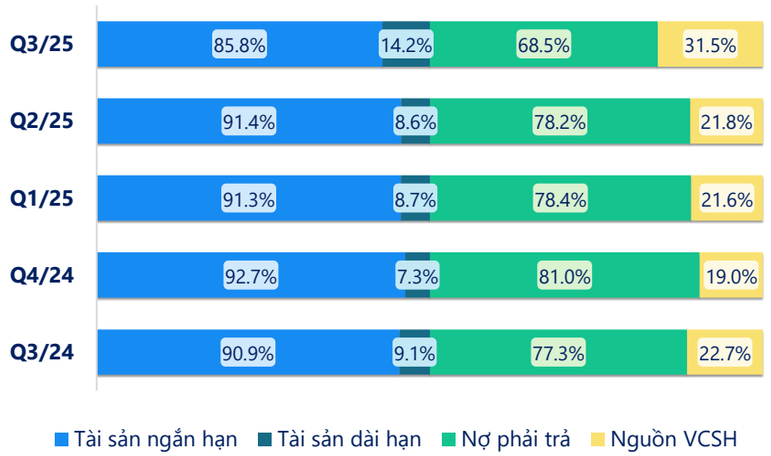
FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,690
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,670
SL cổ phiếu LH	88,415,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	346,095
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	768
P/E	-7.7
EPS	-1,122

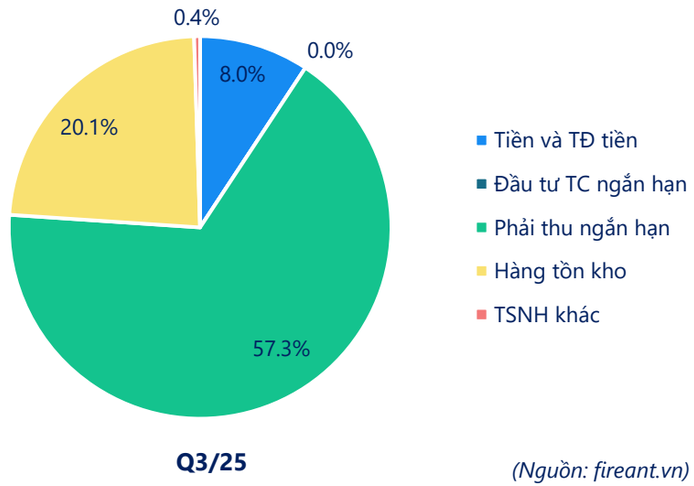
	YTD	1T	3T	6T
VPG	-27.6%	-4.1%	11.0%	-26.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



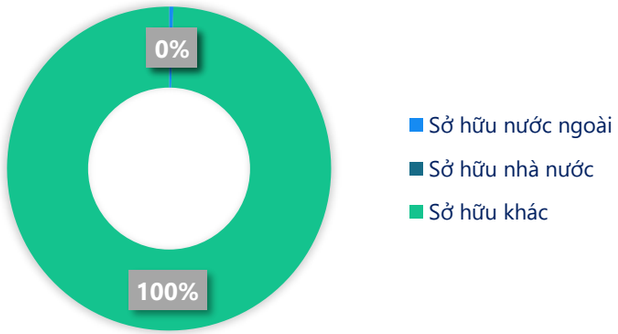
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



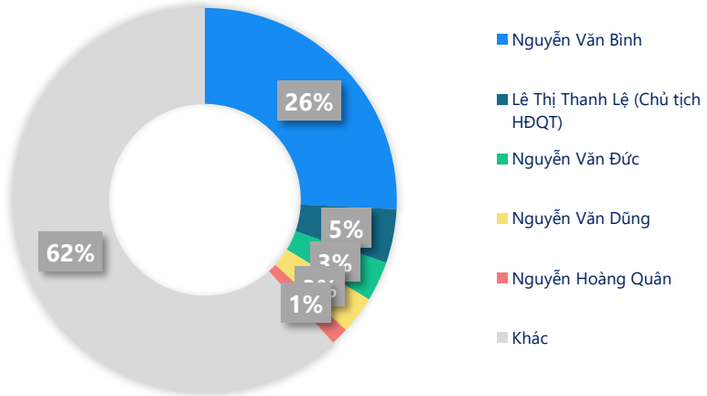
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



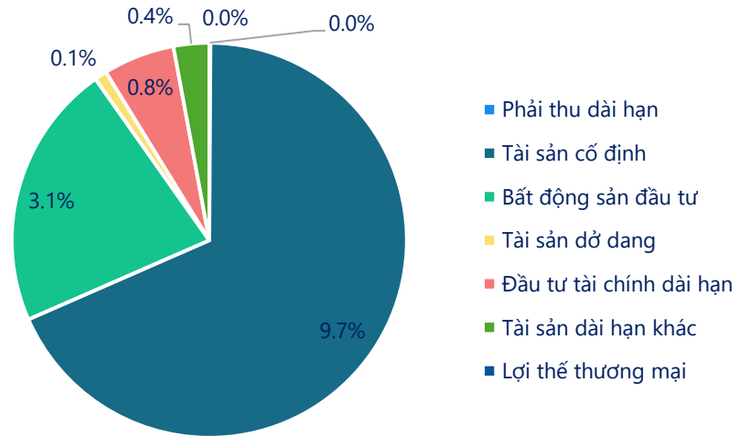
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

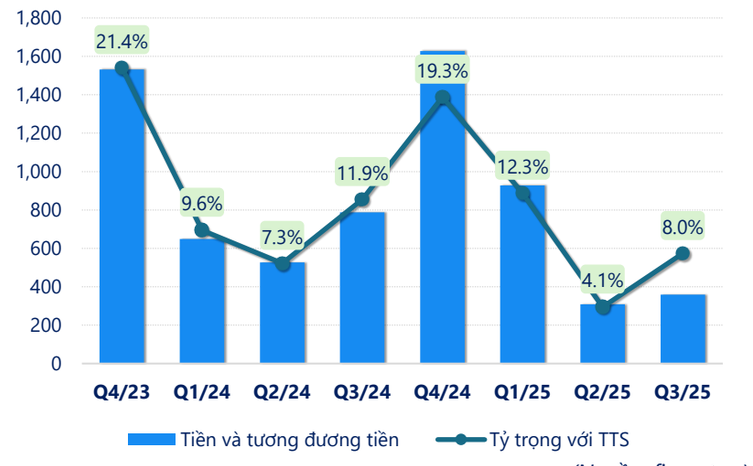


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

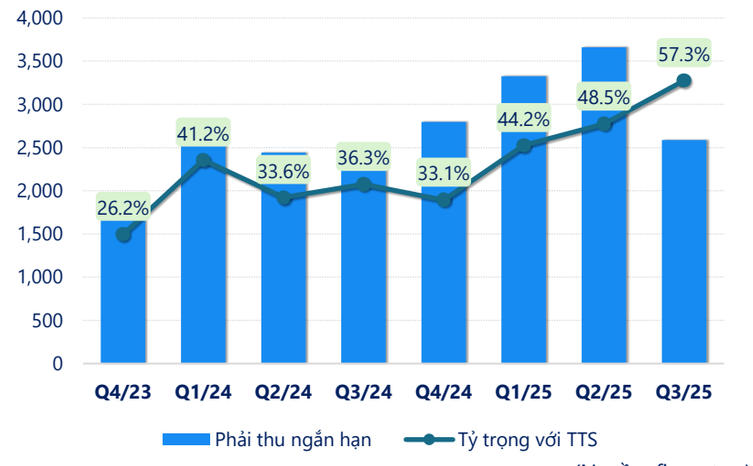
CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Tiền và tương đương tiền



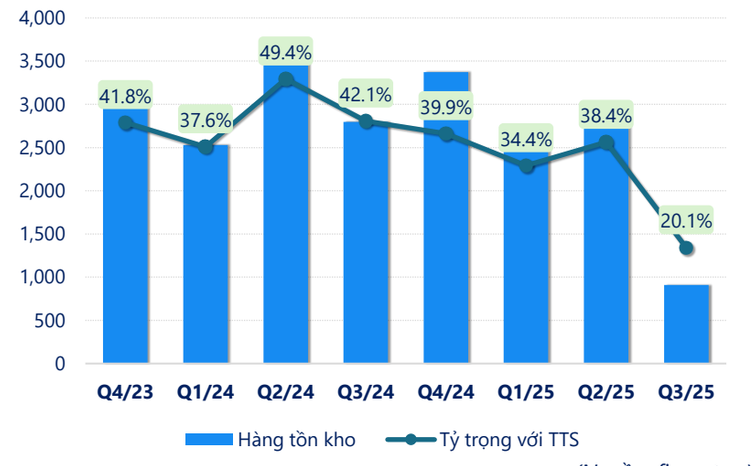
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



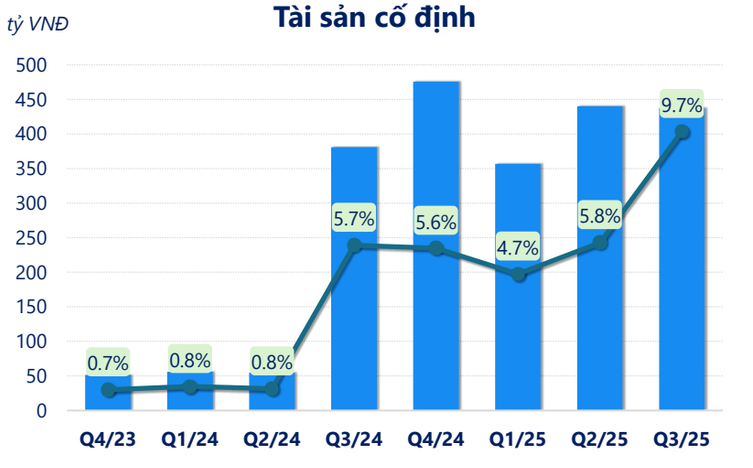
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



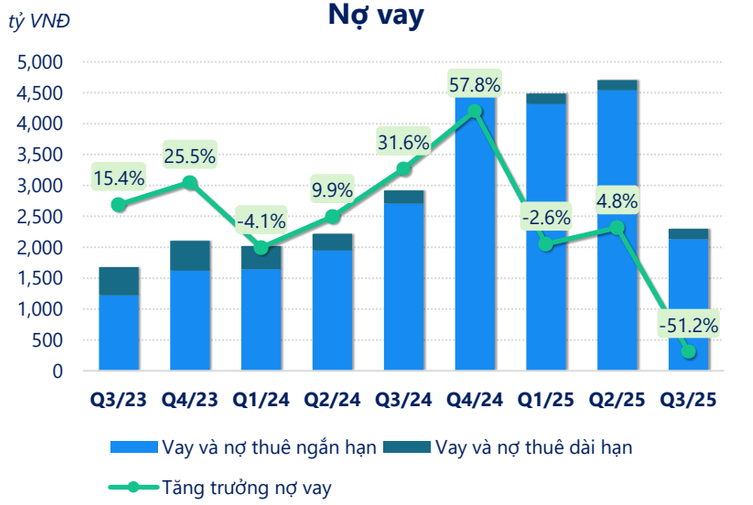
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



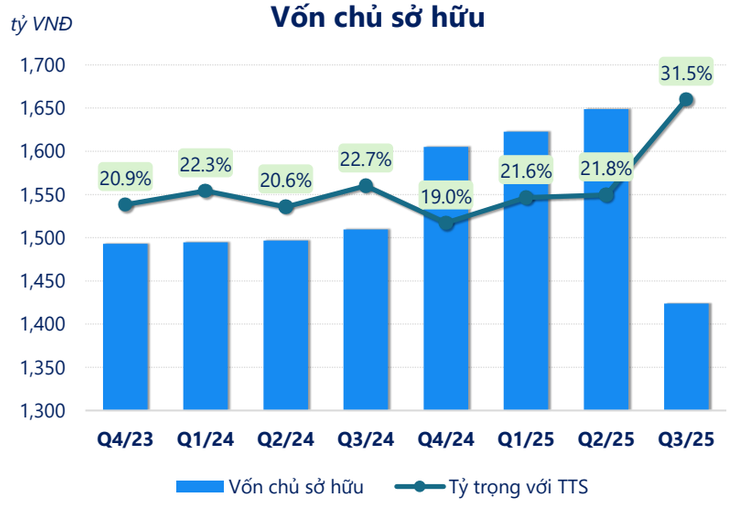
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

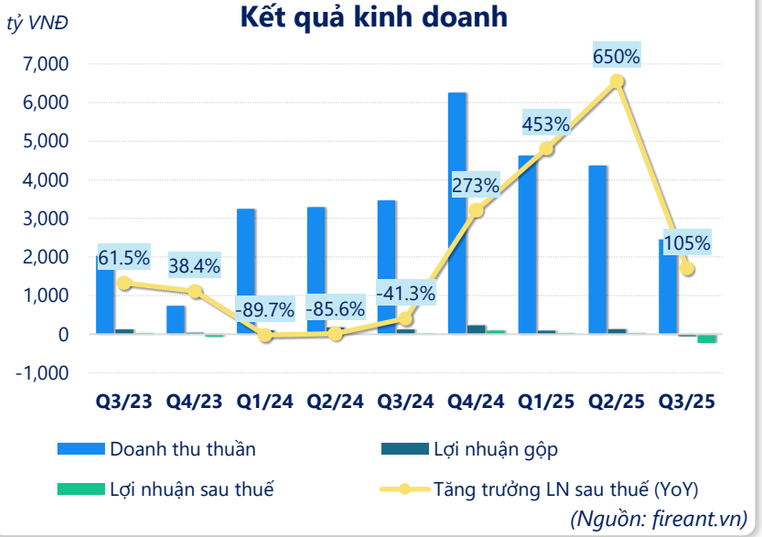


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

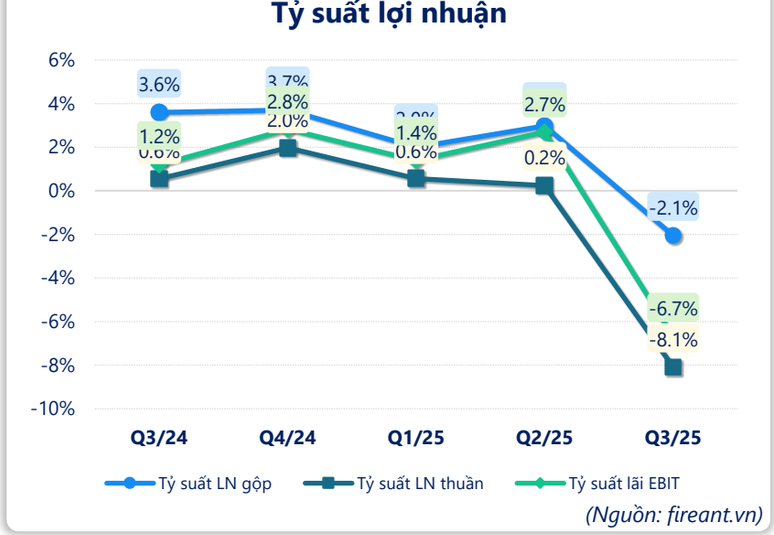
CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

Kết quả kinh doanh



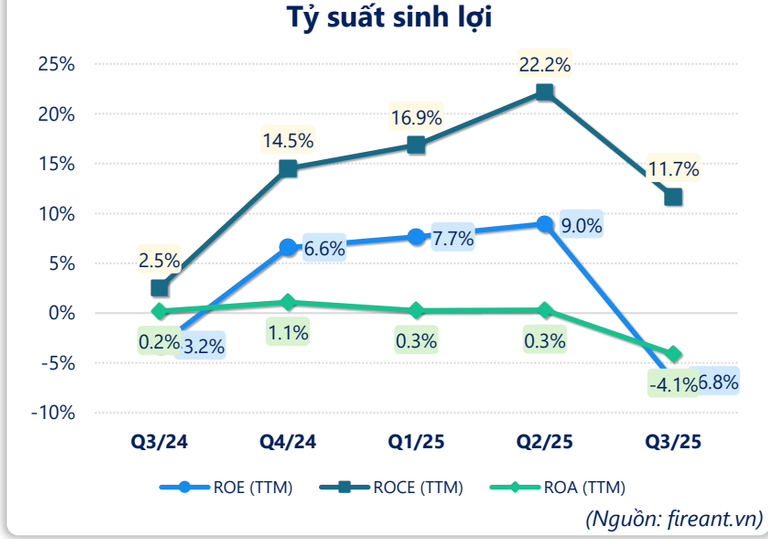
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



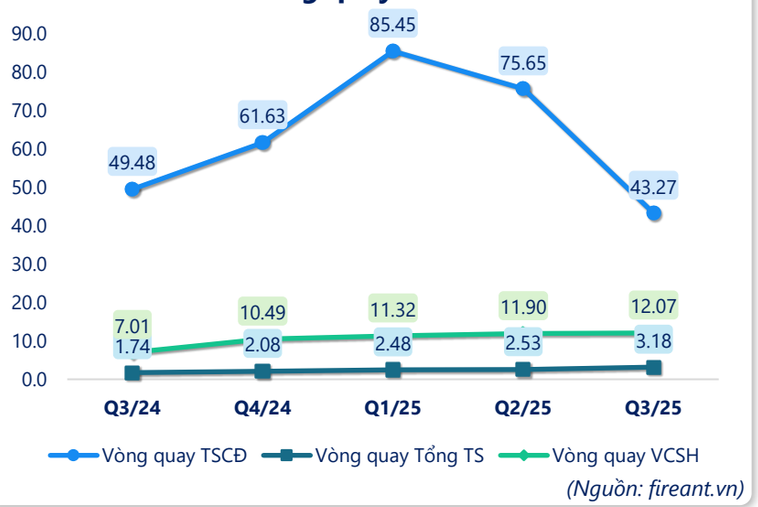
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



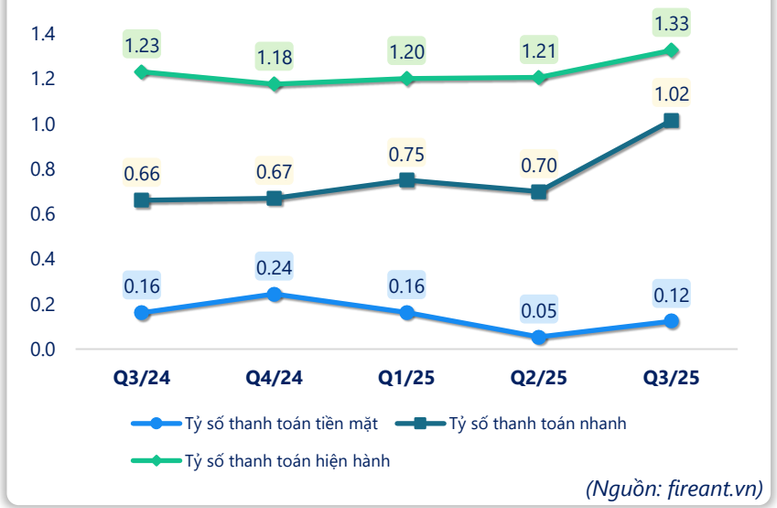
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



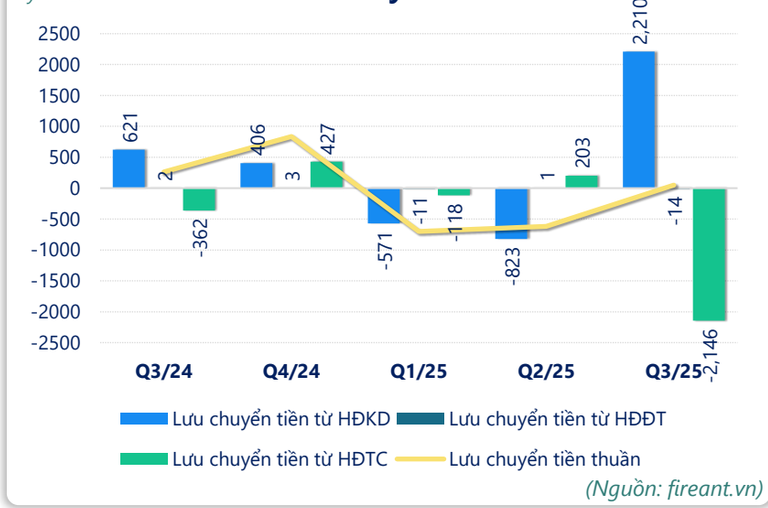
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,515**	**8,457**	**-46.6%**
Tài sản ngắn hạn	3,875	7,823	-50.5%
Tiền và tương đương tiền	360	1,628	-77.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.26	-100%
Phải thu ngắn hạn	2,588	2,796	-7.5%
Hàng tồn kho	908	3,357	-72.9%
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	41.4	-53.0%
Tài sản dài hạn	**640**	**634**	**1.1%**
Phải thu dài hạn	0.61	0.62	-2.2%
Tài sản cố định	438	358	22.3%
Bất động sản đầu tư	140	142	-1.5%
Tài sản dở dang	6.47	75.9	-91.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	37.5	37.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**18.7**	**20.1**	**-6.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,092	6,855	-54.9%
Nợ ngắn hạn	**2,922**	**6,669**	**-56.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,132	4,432	-51.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	368	1,947	-81.1%
Nợ dài hạn	170	187	-9.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	165	176	-6.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,424**	**1,602**	**-11.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,424**	**1,602**	**-11.1%**
Vốn điều lệ	884	884	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3,465	6,259	4,625	4,370	2,454
Giá vốn hàng bán	3,340	6,027	4,532	4,240	2,504
Lợi nhuận gộp	124	232	92.3	130	-50.3
Doanh thu HĐTC	51.0	60.7	25.6	35.4	5.78
Chi phí TC	90.3	69.3	40.3	107	98.8
Chi phí lãi vay	24.4	56.3	38.2	84.5	53.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	45.3	73.3	29.7	22.6	40.9
Chi phí QLDN	20.7	26.5	22.2	25.4	14.2
LN thuần từ HĐKD	19.1	123	25.6	10.5	-198
Lợi nhuận khác	-2.13	-3.21	0.76	22.7	-18.6
LN trước thuế	17.0	120	26.4	33.1	-217
Lợi nhuận sau thuế	12.9	95.6	20.8	26.2	-225
LNST của CĐ cty mẹ	11.9	86.4	19.0	23.8	-228

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	621	406	-571	-823	2,210
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.78	3.33	-11.4	0.78	-13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-362	427	-118	203	-2,146
Tiền đầu kỳ	526	788	1,628	927	309
Lưu chuyển tiền thuần	**262**	**836**	**-701**	**-619**	**51.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	4.68	0	0.55	-0.30
Tiền cuối kỳ	788	1,628	927	309	360

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic